

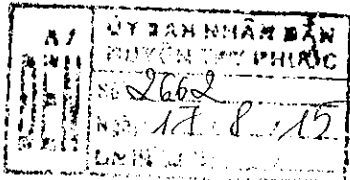
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3896** /UBND-NC

Bình Định, ngày **14** tháng **8** năm **2015**

V/v tổng kết 05 năm thực hiện Đề án
tăng cường công tác PBGDPL nhằm
nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho
thanh thiếu niên giai đoạn 2011 - 2015



Kính gửi:

- Thành viên Ban chỉ đạo Đề án 2160 của tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Để thực hiện Văn bản số 2156/BTP-PBGDPL ngày 22/6/2015 của Bộ Tư pháp về tổng kết 05 năm triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho thanh thiếu niên” giai đoạn 2011 - 2015; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Các sở, ban, ngành của tỉnh là thành viên Ban Chỉ đạo đề án 2160 của tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành tổng kết 05 năm thực hiện Đề án “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 - 2015” bằng hình thức phù hợp và gửi báo cáo tổng kết về UBND tỉnh (qua Sở Tư pháp – Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Đề án 2160 của tỉnh và gửi qua email ngochien@stp.binhdinh.gov.vn) trước ngày 28/8/2015 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định (có Đề cương báo cáo gửi kèm theo văn bản này).

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành là thành viên Ban Chỉ đạo đề án 2160 của tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT Ngô Đông Hải;
- Sở Tư pháp;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K2.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ngô Đông Hải

Phụ lục 1

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 5 NĂM

Thực hiện Đề án tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 – 2015 theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ (Kèm theo Công văn số 3896 /UBND-NC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện Đề án

- Các Quyết định, Chỉ thị, Kế hoạch, văn bản... chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện Đề án.

- Xây dựng văn bản liên ngành phối hợp để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên với nội dung, biện pháp cụ thể.

- Công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai, thực hiện Đề án.

Lưu ý: Đánh giá tác động, chuyển biến, đổi mới trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Đề án, nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên từ khi ban hành Đề án; sự lãnh đạo, chỉ đạo; công tác phối hợp...

2. Đánh giá kết quả đạt được các mục tiêu đề ra trong Đề án

- Đánh giá, phân tích, chỉ rõ mức độ đạt được, mục tiêu nào không phù hợp?

- Làm rõ những kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và những nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị giải pháp, nội dung, nhiệm vụ cho giai đoạn 2016 – 2020.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp

3.1. Việc rà soát, khảo sát, điều tra về tình hình thực hiện pháp luật, nhu cầu học tập, tìm hiểu pháp luật; các biện pháp, mô hình cụ thể để xác định nội dung, vấn đề, hình thức PBGDPL phù hợp với đối tượng và điều kiện địa bàn từng năm.

3.2. Hoàn thiện thể chế về công tác PBGDPL cho thanh thiếu niên

- Xây dựng, ban hành các văn bản, chính sách, chương trình, kế hoạch PBGDPL cho thanh thiếu niên theo giai đoạn, hàng năm; theo lĩnh vực, đối tượng.

- Xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền cụ thể hóa, tăng cường quản lý, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, chính sách, pháp luật cho thanh thiếu niên.

- Đánh giá những bất cập, hạn chế trong thực hiện pháp luật phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên (bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao); những vấn đề mới nảy sinh và phương hướng thể chế hóa.

3.3. Trách nhiệm của hệ thống chính trị trong phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên

- Việc lồng ghép, đưa nội dung và nhiệm vụ PBGDPL cho thanh thiếu niên vào kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; lồng ghép với các đề án khác có liên quan (phòng, chống tội phạm, mại dâm, ma túy...).

- Vai trò của tổ chức Đoàn các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện gắn với các chương trình, phong trào Đoàn; nâng cao năng lực, chất lượng cán bộ Đoàn, đánh giá sâu sắc hơn công tác xây dựng, phát triển đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật của Đoàn.

- Trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể, địa phương trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ công chức thanh niên, báo cáo viên pháp luật và tuyên truyền viên pháp luật trong độ tuổi thanh niên; xây dựng, phát triển báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật trong độ tuổi thanh niên; tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật cho các nhóm thanh thiếu niên thuộc đối tượng của Đề án 2160 (theo trách nhiệm quản lý nhà nước của sở, ngành, địa phương).

3.4. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho các nhóm thanh thiếu niên thuộc đối tượng của Đề án

- Nội dung, hình thức phổ biến, giáo dục cho thanh thiếu niên.

- Các mô hình tại cộng đồng, cách làm sáng tạo, phù hợp, hiệu quả trên địa bàn. Bài học, đề xuất về chính sách, pháp luật.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí hàng năm do ngân sách nhà nước cấp (phân rõ nguồn kinh phí hỗ trợ và nguồn kinh phí phân bổ từ ngân sách thường xuyên của cơ quan, đơn vị) cho việc triển khai thực hiện Đề án.

- Nguồn kinh phí khác (tài trợ, huy động từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân...).

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Về hiệu quả, tác động

- Mức độ đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra.

- Những tác động thực tế, chuyển biến có được do việc triển khai thực hiện Đề án mang lại đối với đời sống kinh tế - xã hội trên địa bàn, nhất là tình hình vi phạm pháp luật, tội phạm, tệ nạn xã hội và an ninh trật tự an toàn xã hội...

2. Tồn tại, khó khăn và nguyên nhân

- Về tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành.

- Về thực hiện nội dung, biện pháp, giải pháp của Đề án.

- Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

3. Bài học kinh nghiệm

III. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP CHO GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

- Đánh giá nhu cầu phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên hiện nay; sự cần thiết xây dựng Đề án hoặc chính sách cho giai đoạn 2016 – 2020.

- Đánh giá, nêu rõ mục tiêu, nội dung, giải pháp nào hiện nay không phù hợp? Giải pháp nào tiếp tục thực hiện trong giai đoạn tới? Cần bổ sung giải pháp nào để đáp ứng yêu cầu của công tác PBGDPL cho thanh thiếu niên?

- Kiến nghị, đề xuất cụ thể về triển khai công tác PBGDPL cho thanh thiếu niên giai đoạn 2016 – 2020.

th

Phụ lục 2

SỐ LIỆU TỔNG KẾT 05 NĂM (2011 – 2015)

Thực hiện Đề án tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 – 2015 theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ (Kèm theo Công văn số 3896 /UBND-NC ngày 14 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số đầu kỳ ¹	Số phát sinh trong kỳ 05 năm ²	Dự báo (2016-2020)
I	THỰC TRẠNG THANH, THIẾU NIÊN				
1	Tổng số thanh thiếu niên trên địa bàn (từ 16 tuổi đến dưới 30 tuổi)	Người			
1.1	Số thanh, thiếu niên trong trường học	Người			
1.2	Số thanh, thiếu niên tự do	Người			
1.3	Số thanh, thiếu niên lao động	Người			
1.4	Số thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật	Người			
1.5	Số thanh, thiếu niên là nữ, là bà mẹ dưới 30 tuổi	Người			
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU ĐỀ RA				
1	Thanh thiếu niên tự do, sinh sống, lao động tại địa bàn cư trú được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực liên quan đến quyền, nghĩa vụ và đời sống, công việc của từng đối tượng, từng địa bàn				
	- Tỷ lệ đề ra theo kế hoạch:	%			
	- Tỷ lệ đạt được:	%			
2	Thanh thiếu niên trong trường học được phổ biến chính sách, pháp luật trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống, công việc, học tập phù hợp với lứa tuổi của các em				
	- Tỷ lệ đề ra:	%			
	- Tỷ lệ đạt được:	%			

¹ Ghi số liệu thống kê năm 2010

² Ghi số liệu tổng hợp 5 năm từ 2011 đến 2015 (Năm 2015 tính đến tháng 7/2015 hoặc ước thực hiện cả năm 2015). Riêng số liệu tại mục I lấy số liệu thống kê năm 2015.

3	Thanh thiếu niên vi phạm pháp luật được tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật, hạn chế tái vi phạm pháp luật và tạo điều kiện hòa nhập tốt với cộng đồng				
	- Tỷ lệ đề ra:	%			
	- Tỷ lệ đạt được:	%			
4	Thanh, thiếu niên lao động ở nước ngoài được thông tin, phổ biến các quy định pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, đời sống, công việc				
	- Tỷ lệ đề ra:	%			
	- Tỷ lệ đạt được:	%			
5	Giảm 10% trở lên số người vi phạm pháp luật là thanh, thiếu niên, số vụ vi phạm pháp luật có thanh, thiếu niên tham gia				
	- Tỷ lệ đề ra:	%			
	- Tỷ lệ đạt được:	%			
6	Phân đầu đạt 70% số người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho thanh, thiếu niên, cán bộ Đoàn được bồi dưỡng, tập huấn cập nhật kiến thức pháp luật mới và nghiệp vụ PBGDPL				
	- Tỷ lệ đề ra:	%			
	- Tỷ lệ đạt được:	%			
III	TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, GIAI PHÁP VỀ PBGDPL CHO THANH, THIẾU NIÊN				
1	Xây dựng văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện				
1.1	Số văn bản quản lý, điều hành, chỉ đạo thực hiện công tác PBGDPL cho thanh, thiếu niên	Văn bản			
1.2	Số chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động PBGDPL cho thanh, thiếu niên	Văn bản			
2	Tổ chức các lớp, buổi phổ biến, giới thiệu, tập huấn, giải đáp pháp luật				
2.1	Số lớp, buổi được tổ chức trên địa bàn	Lớp, buổi			
2.2	Số thanh, thiếu niên tham gia, tham dự	Lượt người			

3	Xây dựng các tài liệu PBGDPL cho thanh, thiếu niên				
3.1	Số Tài liệu (sách, sổ tay, tờ gấp, câu chuyện, tiểu phẩm) có nội dung, chủ đề pháp luật dành cho thanh, thiếu niên	Sách, sổ tay			
3.2	Số thanh, thiếu niên được cấp phát, tiếp cận với tài liệu	Lượt người			
3.3	Số cán bộ, người làm công tác PBGDPL cho thanh, thiếu niên được cấp phát, tiếp cận với tài liệu	Lượt người			
4	Hỗ trợ, giúp đỡ, cảm hóa, giáo dục thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật				
4.1	Tổng số xã, phường, thị trấn trên địa bàn	Xã, phường, thị trấn			
4.2	Số xã, phường, thị trấn không có thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật	Xã, phường, thị trấn			
4.3	Số xã, phường, thị trấn trọng điểm về tội phạm, tệ nạn xã hội	Xã, phường, thị trấn			
4.4	Số thanh, thiếu niên thuộc diện hỗ trợ, giúp đỡ, cảm hóa, giáo dục tái hòa nhập cộng đồng	Người			
4.5	Số thanh, thiếu niên được hỗ trợ, giúp đỡ, cảm hóa, giáo dục tái hòa nhập cộng đồng	Người			
5	Tổ chức truy tố, xét xử, xét xử lưu động các vụ việc, vụ án liên quan đến thanh, thiếu niên				
5.1	Số vụ việc liên quan đến thanh, thiếu niên được Viện kiểm sát nhân dân khởi tố				
	- Số vụ:	Vụ			
	- Số bị can là thanh, thiếu niên:	Người			
5.2	Số vụ việc liên quan đến thanh, thiếu niên được Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử				
	- Số vụ:	Vụ			
	- Số bị cáo là thanh, thiếu niên:	Người			
5.3	Số vụ án liên quan đến thanh, thiếu niên được Tòa án các cấp thụ lý, xét xử				
	- Số vụ:	Vụ			
	- Số bị cáo là thanh, thiếu niên:	Người			
5.4	Số vụ án liên quan đến thanh, thiếu niên được Tòa án các cấp xét xử lưu động				

	- Số vụ:	Vụ			
	- Số bị cáo là thanh, thiếu niên:	Người			
6	Xây dựng Câu lạc bộ và thực hiện PBGDPL cho thanh, thiếu niên				
6.1	Số Câu lạc bộ tại xã, phường, thị trấn (Câu lạc bộ thanh niên với pháp luật, Câu lạc bộ trợ giúp pháp lý, Câu lạc bộ tuổi trẻ phòng chống tội phạm...)	Câu lạc bộ			
6.2	Số thanh, thiếu niên tham gia sinh hoạt Câu lạc bộ	Lượt người			
7	Xây dựng, thực hiện PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng				
7.1	Trên Đài truyền hình, đài phát thanh và truyền hình				
	- Số chuyên mục, chương trình thực hiện PBGDPL:	Chuyên mục			
	- Số chuyên mục, chương trình thực hiện PBGDPL cho thanh, thiếu niên:	Chuyên mục			
7.2	Trên báo chí (báo viết, báo điện tử...)				
	- Số tin, bài viết về PBGDPL:	Tin, bài			
	- Số tin, bài viết về PBGDPL liên quan đến thanh, thiếu niên:	Tin, bài			
7.3	Trên loa truyền thanh cơ sở				
	- Số tin, bài phát thanh:	Tin, bài			
	- Số tin, bài về PBGDPL:	Tin, bài			
	- Số tin, bài PBGDPL cho thanh, thiếu niên:	Tin, bài			
8	Cuộc thi tìm hiểu pháp luật				
8.1	Số cuộc thi được tổ chức tại xã, phường, thị trấn	Cuộc thi			
8.2	Số cuộc thi có chủ đề pháp luật	Cuộc thi			
8.3	Số thanh, thiếu niên tham gia	Lượt người			
9	PBGDPL cho thanh, thiếu niên đặc thù				
9.1	Đối với thanh, thiếu niên ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, miền biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và ngư dân				

9.1.1	Thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới				
	- Số thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới trên địa bàn	Người			
	- Số vụ hòa giải tại xã, phường, thị trấn:	Vụ			
	+ Số vụ hòa giải liên quan đến thanh, thiếu niên:	Vụ			
	+ Số thanh, thiếu niên:	Người			
	- Số cuộc trợ giúp pháp lý tại xã, phường, thị trấn:	Cuộc			
	+ Số cuộc liên quan đến thanh, thiếu niên	Cuộc			
	+ Số thanh, thiếu niên được trợ giúp pháp lý	Lượt người			
9.1.2	Thanh, thiếu niên miền biển, hải đảo, ngư dân				
	- Số thanh, thiếu niên miền biển, hải đảo, ngư dân trên địa bàn	Người			
	- Số vụ hòa giải:	Vụ			
	+ Số vụ hòa giải liên quan đến thanh, thiếu niên:	Vụ			
	+ Số thanh, thiếu niên:	Lượt người			
	- Số cuộc phổ biến pháp luật trực tiếp, trợ giúp pháp lý lưu động trên biển, tại bến bãi neo đậu:				
	+ Số cuộc:	Cuộc			
	+ Số cuộc liên quan đến thanh, thiếu niên:	Cuộc			
	- Số tin, bài viết được tuyên truyền trên loa tay của đội thông tin tuyên truyền xã, phường, thị trấn/kiểm ngư/biên phòng. Trong đó:				
	+ Số tin, bài về PBGDPL:	Tin, bài			
	+ Số tin, bài liên quan đến thanh, thiếu niên:	Tin, bài			
9.1.3	Thanh, thiếu niên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn				
	- Số vụ hòa giải:	Vụ			
	+ Số vụ hòa giải liên quan đến thanh, thiếu niên:	Vụ			
	+ Số thanh, thiếu niên:	Người			
	- Số cuộc trợ giúp pháp lý tại xã, phường, thị trấn. Trong đó:				

	+ Số cuộc:	Cuộc			
	+ Số cuộc liên quan đến thanh, thiếu niên:	Cuộc			
	+ Số thanh, thiếu niên tham dự:	Lượt người			
9.2	Đối với thanh, thiếu niên lao động trong các doanh nghiệp				
	- Số thanh, thiếu niên trong các doanh nghiệp trên địa bàn:	Người			
	- Số thanh, thiếu niên được tham gia các lớp, buổi, đợt, cuộc phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý, giải đáp pháp luật:	Lượt người			
9.3	Đối với thanh, thiếu niên là nạn nhân bạo lực gia đình				
9.3.1	Số thanh, thiếu niên là nạn nhân bạo lực gia đình tại xã, phường, thị trấn	Người			
9.3.2	Số vụ hòa giải tại xã, phường, thị trấn:	Vụ			
	- Số vụ hòa giải cho thanh, thiếu niên nạn nhân bạo lực gia đình	Vụ			
9.3.2	Số đợt, cuộc, buổi trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật tại xã, phường, thị trấn	Đợt, cuộc, buổi			
	- Số đợt, cuộc, buổi trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật miễn phí cho thanh thiếu niên là nạn nhân bạo lực gia đình	Đợt, cuộc, buổi			
	- Số đợt, cuộc, buổi trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật lưu động cho thanh thiếu niên là nạn nhân bạo lực gia đình	Đợt, cuộc, buổi			
	- Số đợt, cuộc, buổi trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật tại nơi tạm lánh, cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình cho thanh thiếu niên là nạn nhân bạo lực gia đình	Đợt, cuộc, buổi			
9.4	Đối với thanh, thiếu niên khuyết tật				
9.4.1	Số thanh, thiếu niên khuyết tật trên địa bàn	Người			
9.4.2	Số thanh, thiếu niên được phổ biến, giáo dục pháp luật bằng hình thức phù hợp	Lượt người			
9.5	Đối với thanh, thiếu niên đang chấp hành hình phạt tù, đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc				
9.5.1	Tình hình thanh, thiếu niên				
	- Số thanh, thiếu niên đang chấp hành hình phạt tù	Người			
	- Số thanh, thiếu niên đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng	Người			

	- Số thanh, thiếu niên đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc	Người			
	- Số thanh, thiếu niên đang bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc	Người			
9.5.2	PBGDPL lồng ghép trong các chương trình văn hóa, học nghề				
	- Tổng số chương trình văn hóa, học nghề	Chương trình			
	- Số chương trình văn hóa, học nghề có lồng ghép nội dung PBGDPL	Chương trình			
	- Số thanh, thiếu niên tham dự các chương trình văn hóa, học nghề có lồng ghép nội dung PBGDPL	Lượt người			
	- Tỷ lệ thời lượng PBGDPL qua các chương trình văn hóa, học nghề	%			
9.6	Thanh, thiếu niên đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; bị phạt tù được hưởng án treo				
9.6.1	Tình hình thanh, thiếu niên				
	- Số thanh, thiếu niên đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	Người			
	- Số thanh, thiếu niên bị phạt tù được hưởng án treo	Người			
9.6.2	Thực hiện PBGDPL				
	- Số đợt phổ biến pháp luật trực tiếp (qua lớp học, sinh hoạt pháp luật tại nhà văn hóa...)	Đợt, cuộc			
	- Tỷ lệ lồng ghép PBGDPL trong hoạt động của nhóm, đội đồng đẳng	%			
	- Số cuộc tư vấn, giải đáp, trợ giúp trực tiếp tại gia đình	Đợt, cuộc			
III	NGUỒN LỰC				
1	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL cho thanh thiếu niên, cán bộ Đoàn				
1.1	Cán bộ Đoàn				
	- Tổng số cán bộ Đoàn	Người			
	- Số cán bộ Đoàn được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ PBGDPL hàng năm	Lượt người			
1.3	Báo cáo viên pháp luật của Đoàn				
	- Tổng số:	Người			

	- Số báo cáo viên được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ PBGDPL hàng năm	Lượt người			
1.4	Tuyên truyền viên pháp luật của Đoàn				
	- Tổng số:	Người			
	- Số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ PBGDPL hàng năm	Lượt người			
2	Kinh phí thực hiện				
2.1	Kinh phí chi cho công tác PBGDPL tại địa bàn	Triệu đồng			
2.2	Kinh phí chi cho công tác PBGDPL cho thanh thiếu niên tại địa bàn	Triệu đồng			
	- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW	Triệu đồng			
	- Kinh phí bố trí từ ngân sách địa phương	Triệu đồng			
	- Kinh phí từ nguồn huy động, tài trợ	Triệu đồng			

24